Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1103

Mã HS	1103
Mô tả hàng hóa	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:20:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/1103/

6 dòng thuế thuộc 1103

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1103.11.00	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên / - Dạng tấm và bột thô: / - - Của lúa mì	kg	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
1103.13.00	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên / - Dạng tấm và bột thô: / - - Của ngô	kg	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
1103.19.10	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên / - Dạng tấm và bột thô: / - - Của ngũ cốc khác: / - - - Của meslin	kg	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
1103.19.20	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên / - Dạng tấm và bột thô: / - - Của ngũ cốc khác: / - - - Của gạo	kg	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
1103.19.90	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên / - Dạng tấm và bột thô: / - - Của ngũ cốc khác: / - - - Loại khác	kg	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
1103.20.00	Ngũ cốc dạng tấm, dạng bột thô và viên / - Dạng viên	kg	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.